TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 22-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Giúp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Mé;

2/ Bà Lê Thúy Ngân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Giản Ngọc Chiếm**, tên gọi khác: Sinh; sinh năm: 1986; nơi ĐKNKTT: Ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; họ và tên cha: Giản Thành Thắm, sinh năm: 1957; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Lùng, sinh năm: 1967; bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Triệu Hồng Nhung**, tên gọi khác: Tiên; sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT: 115/4A ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 115/4A ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; họ và tên cha: Lưu Đức Cường, sinh năm: 1961; họ và tên mẹ: Triệu Hương Kỳ, sinh năm: 1963; họ và tên chồng: Thạch Thi Rum, sinh năm: 1991; con: 01 người, sinh năm: 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Nguyễn Văn Phát**, sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT: Tổ 4, ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Long Thới,

huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; họ và tên cha: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thủy; vợ Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi, sinh năm: 1999. Con có 01 con, sinh năm: 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn Tám, sinh năm: 1990, vắng mặt;

Hộ khẩu thường trú: Thôn An Dũng, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Ông Giản Thành Thắm, sinh năm: 1957, có mặt;

Địa chỉ: ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi, sinh năm: 1999, có mặt;

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tạo, xã An Phước, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Triệu Hương Kỳ, sinh năm: 1963, có mặt;

Địa chỉ: Khu Phố 3, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Hồng Nhung và anh Nguyễn Văn Tám quen nhau qua mạng xã hội Zalo và thường xuyên nhắn tin với nhau. Qua đó, anh Tám đề nghị quan hệ tình dục với Nhung, Nhung đồng ý với điều kiện anh Tám phải cho Nhung 2.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 29/8/2017, Nhung kể lại sự việc trên cho bạn trai là Giản Ngọc Chiếm biết, lúc này Chiếm và Nhung nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Tám nên 18 giờ 30 phút cùng ngày, Chiếm chở Nhung qua phòng trọ của Nguyễn Văn Phát, thuộc ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Chiếm kể cho Phát biết việc anh Tám đòi quan hệ tình dục với Nhung rồi cho Nhung 2.000.000 đồng. Sau đó, Chiếm rủ Phát chiếm đoạt tiền của anh Tám rồi đánh anh Tám cho hả giận đồng thời hứa cho Phát tiền để mua sữa cho con uống thì Phát đồng ý, cả ba bàn bạc thống nhất để Nhung giả vờ đồng ý cho anh Tám quan hệ tình dục với mình, Nhung dụ anh Tám lên gác phòng trọ thì Nhung sẽ lợi dụng anh Tám thiếu cảnh giác, ném quần của anh Tám xuống đất rồi nhắn tin cho Chiếm và Phát biết để Chiếm và Phát vào phòng trọ lục tìm tài sản trong túi quần của anh Tám lấy cắp. Sau khi bàn bạc, Chiếm chở Nhung về phòng trọ, Nhung nhắn tin hẹn gặp anh Tám lúc 20 giờ tại phòng trọ của Nhung, còn Chiếm về phòng trọ của Phát chờ tin nhắn của Nhung.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Tám đến phòng trọ gặp Nhung, Nhung hỏi tiền đâu thì anh Tám lấy 500.000 đồng ở túi quần sau lên cho Nhung xem. Nhung liền nhắn tin cho Chiếm nói "đến rồi" đồng thời kêu anh Tám lên gác, rồi khép hờ cửa đi lên gác cùng với anh Tám. Lúc này, Chiếm cùng với Phát đi đến phòng trọ của Nhung và đứng ngoài chờ tin nhắn của Nhung. Khi lên gác, Nhung ôm hôn và cởi quần sọt của anh Tám

và dùng chân đạp xuống đất đồng thời nhắn tin cho Chiếm nói "xong rồi, vô đi". Lúc này, Chiếm và Phát đã ở trước cửa phòng trọ của Nhung nên khi vừa nhận được tin nhắn của Nhung thì Chiếm mở cửa đi vào lục tìm tài sản trong túi quần của anh Tám nhưng không có. Chiếm đi ra ngoài nhắn tin cho Nhung nói "không có", Nhung nhắn tin cho Tám nói "lúc vô thấy có tiền". Lúc này, Tám thấy Nhung có biểu hiện nghi vấn nên đứng dậy tìm quần mặc để đi về thì Nhung liền nhắn tin cho Chiếm biết. Khi anh Tám đi xuống nhà lấy quần mặc vào định đi về thì Chiếm và Phát xong vào đánh anh Tám. Trong lúc đánh, Chiếm hỏi anh Tám "mày làm gì vô đây mày hứa cho vợ tao 2.000.000 đồng, tiền đâu", anh Tám trả lời không có thì bị Nhung, Phát và Chiếm dùng tay đánh vào người, vào vùng đầu nhiều cái. Nhung hỏi "tiền lúc nãy đâu", anh Tám trả lời không có thì cả ba tiếp tục đánh anh Tám nên anh Tám nói "tiền trong thẻ ATM" và lấy thẻ ATM trong cốp xe đưa cho Chiếm. Chiếm tiếp tục đe dọa đòi đánh để anh Tám đọc mật mã của thẻ cho Phát đi rút tiền. Trong thời gian Phát đi rút tiền, Chiếm và Nhung tiếp tục đánh, đe dọa và lục soát người anh Tám lấy 01 điện thoại Samsung Galaxy J5 màu đen và giấy tờ tùy thân của anh Tám, Nhung mở ốp lưng điện thoại lấy 500.000 đồng rồi đưa điện thoại cùng giấy tờ tùy thân cho Chiếm cất giữ. Chiếm yêu cầu anh Tám đúng 09 giờ ngày hôm sau đem số tiền 2.000.000 đồng đến phòng trọ của Nhung thì Chiếm cho chuộc lại, nếu không thì Chiếm sẽ đem cầm.

Do anh Tám đọc mật mã sai, Phát đi rút tiền không được, nên Phát quay về đánh và chửi anh Tám vì anh Tám nói không đúng mật mã thẻ. Lúc đó, Chiếm lấy con dao thái lan, cán bằng nhựa màu vàng, dài 20,5 cm trên kệ bếp, mũi dao hướng vào bụng anh Tám đe dọa "Mày không nói mật mã đúng tao giết mày". Anh Tám hoảng sợ nên nói đúng mật mã là 123456, Phát tiếp tục đi rút tiền nhưng máy ATM báo lỗi không rút tiền được, Phát chạy xe về ném thẻ ATM trước khu vực phòng trọ, rồi chạy xe về phòng trọ của mình.

Lúc này, Chiếm cho anh Tám về và đóng cửa phòng cùng Nhung đi công việc, Tám liền đi theo Chiếm để xin lại điện thoại và giấy tờ tùy thân nhưng Chiếm không trả nên Tám truy hô "cướp, cướp" thì bị Chiếm dùng tay đánh, sao đó lấy cây đá hoa cương kích thước (60x4x2) cm đánh trúng vào tay anh Tám, làm cây đá gãy làm đôi. Anh Tám bỏ chạy tiếp tục truy hô, đồng thời nhờ người dân báo Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc, kết luận: 01(một) điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tình hình thương tích anh Tám không nghiêm trọng, anh Tám từ chối giám định tỉ lệ thương tật.

Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn Tám đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và yêu cầu bồi thường tổn thất về mặt tinh thần là 6.000.000 đồng, gia đình các bị cáo đã bồi thường xong, anh Tám không yêu cầu gì thêm, có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích các tình tiết của vụ án cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Giản Ngọc Chiếm, Triệu Hồng Nhung, Nguyễn Văn Phát phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 47; Điều 18; Khoản 3 Điều 52, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt các bị cáo:

Giản Ngọc Chiếm mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Triệu Hồng Nhung mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Nguyễn Tấn Phát mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Tám không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, tịch thu tiêu hủy 01(một) con dao thái lan, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11cm, mũi nhọn, cán bằng nhựa màu vàng dài 9,5cm; 01 (một) khúc cây đá hoa cương kích thước (60x4x2) cm, bị gãy đôi.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Nokia Lumia 530, màu đen - trắng, số sim 0167.599.6630 là tài sản của Giản Ngọc Chiếm; 01 điện thoại di động Nokia Lumia, màu trắng đen, sim số 0961.533.064.

Các bị cáo, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 20 giờ ngày 29/8/2017, Triệu Hồng Nhung cùng Giản Ngọc Chiếm và Nguyễn Văn Phát bàn bạc thống nhất để Nhung hẹn anh Nguyễn Văn Tám đến phòng trọ của Nhung thuộc ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, giả vờ cho Tám quan hệ tình dục, rồi lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tài sản. Khi phát hiện trong túi quần của anh Tám không có tiền nên Nhung, Chiếm và Phát dùng tay, chân đánh và đe dọa anh Tám. Do bị đánh nên anh Tám đưa thẻ ATM của mình trong tài khoản có 1.100.000 đồng và nói mật mã cho Chiếm và đồng bọn đi rút tiền, Chiếm đưa thẻ ATM cho Phát đi rút tiền, còn Nhung và Chiếm tiếp tục dùng tay chân đánh anh Tám, đe dọa lục soát trong người anh Tám lấy 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J5 màu đen có giá trị 3.500.000 đồng và 500.000 đồng trong ốp lưng điện thoại. Sau khi Phát đi ra ngoài rút tiền phát hiện anh Tám nói không đúng mã pin nên quay lại cùng Chiếm, Nhung đánh và chửi anh Tám, Chiếm dùng con dao thái lan dí mũi dao vào bụng anh Tám đe dọa để anh Tám nói đúng mật mã thẻ ATM cho Phát đi rút tiền. Sự việc được phát hiện, tại cơ quan điều tra Nhung, Chiếm và Phát thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, lời trình bày của các bị cáo phù hợp lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giản Ngọc Chiếm, Triệu Hồng Nhung và Nguyễn Văn Phát phạm tội "Cướp tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn. Hành vi của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở

hữu về tài sản của người khác và gây mất an ninh, trật tự ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Đối với bị cáo Giản Ngọc Chiếm, Triệu Hồng Nhung là người đề nghị, rủ rê bị cáo Phát tham gia, các bị cáo tham gia vai trò là người thực hiện tích cực, khi bị hại nói không đúng mật mã tài sản, bị cáo Chiếm dùng dao dí vào bụng anh Tám yêu cầu nói đúng mật mã cho nên các bị cáo chịu mức hình phạt ngang nhau. Đối với bị cáo Phát, khi nghe bị cáo Chiếm đề xuất thì bị cáo đồng ý tham gia thực hiện với mức độ ít hơn nên chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Nhung và Chiếm. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo Chiếm có công với Cách mạng nên khi xem xét quyết định mức hình phạt, cần áp dụng các tình tiết theo Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017cho các bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt.

[4] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tài sản không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[5] Vật chứng: 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy J5, màu đen; 01(một) CMND, 01(một) giấy phép lái xe, 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 77H1- 162.70, 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Tám và tiền mặt là 500.000 đồng là vật chứng trong vụ án, thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn Tám, cơ quan Công an huyện Cần Giuộc giao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- 01(một) con dao thái lan, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11cm, mũi nhọn, cán bằng nhựa màu vàng dài 9,5cm; một khúc cây đá hoa cương kích thước (60x4x2) cm, bị gãy đôi là hung khí mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia Lumia 530, màu đen - trắng, số sim 0167.599.6630 là tài sản của Giản Ngọc Chiếm; 01 (một) điện thoại di động Nokia Lumia, màu trắng đen, sim số 0961.533.064 thuộc sở hữu của Triệu Hồng Nhung là phương tiện liên lạc để thực hiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ.

- 01 (một) xe môi tô Yamaha Jupiter, màu đỏ đen, biển số 62X2 – 1100 và tiền Việt Nam 2.000.000 đồng thuộc sở hữu của ông Giản Thành Thắm, Chiếm lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội, ông Thắm không biết và 01 CMND mang tên Giản Ngọc Chiếm, Cơ quan Công an huyện Cần Giuộc giao trả lại cho ông Gian Thành Thắm, cha của Chiếm xét thấy phù hợp.

- 01 (một) CMND mang tên Triệu Hồng Nhung và tiền mặt 125.000 đồng là tài sản của Triệu Hồng Nhung, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Công an giao trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Giản Ngọc Chiếm, Triệu Hồng Nhung và Nguyễn Văn Phát phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Khoản 3 Điều 57; Điều 58; Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Giản Ngọc Chiếm 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.Thời hạn tù được tính từ ngày 30/8/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo Chiếm để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Triệu Hồng Nhung 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phát 03 (ba) năm tù.Thời hạn tù được tính từ ngày 30/8/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phát để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) con dao thái lan, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11cm, mũi nhọn, cán bằng nhựa màu vàng dài 9,5cm; một khúc cây đá hoa cương kích thước (60x4x2) cm, bị gãy đôi.

Tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động Nokia Lumia 530, màu đen - trắng, số sim 0167.599.6630 là tài sản của Giản Ngọc Chiếm; 01 điện thoại di động Nokia Lumia, màu trắng đen, sim số 0961.533.064.

Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Giản Ngọc Chiếm, Triệu Hồng Nhung, Nguyễn Văn Phát, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Giúp

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2016/NQ-HĐTP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

DỰ THẢO 1

NGHỊ QUYẾT

HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 3 ĐIỀU 192 CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ SỐ 92/2015/QH13 VỀ TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIỆN, HẬU QUẢ CỦA VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIỆN

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện.

Điều 2. Trả lại đơn khởi kiện

1. Người khởi kiện không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 BLTTDS là người không có khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 69 của BLTTDS.

2. Khi xác định điều kiện khởi kiện vụ án dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất thì thực hiện như sau:

a) Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa tiến hành hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS.

b) Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,… thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án.

3. Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án là trường hợp theo quy định của pháp luật vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức khác.

4. "Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan" quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS được xác định như sau:

a) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú, tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú;

b) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thì nơi cư trú của họ được xác định theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

c) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài thì nơi cư trú của họ được xác định căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc theo quy định của pháp luật nước, vùng lãnh thổ nơi họ đang cư trú;

d) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức có quốc tịch Việt Nam thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định là nơi cơ quan, tổ chức đó có trụ sở chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;

Trường hợp cơ quan, tổ chức có quốc tịch nước ngoài thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc theo pháp luật nơi cơ quan, tổ chức đó có quốc tịch.

5. Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ,cụ thể địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 BLTTDS thì Tòa án phải thụ lý vụ án.

6. Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ đúng của họ. Trường hợp nguyên đơn đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không cung cấp được đúng địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ đúng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng vẫn không xác định được đúng địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 BLLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, trừ những trường hợp sau đây:

a) Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà sau 24 tháng kể từ ngày chuyển đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú mà không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú làm cho người khởi kiện không biết được thì được coi là “che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện”;

b) Trường hợp người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo giao dịch, hợp đồng các bên đã giao kết thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLLTTDS;

c) Trường hợp nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để xác định địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 4 Điều này.

7. Khoản 1 Điều 192 BLTTDS không quy định căn cứ trả lại đơn khởi kiện vì lý do thời hiệu khởi kiện đã hết, vì vậy, Tòa án không được lấy lý do thời hiệu khởi kiện đã hết để trả lại đơn khởi kiện.

Trường hợp trước đây, Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện vì lý do thời hiệu khởi kiện đã hết mà đương sự có yêu cầu khởi kiện lại, thì Tòa án thụ lý vụ việc và đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí nếu không thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện

1.Người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của BLTTDS và các văn bản pháp luật có quy định.

2."*Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*" quy định tại điểm d khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự là các trường hợp trong Bộ luật tố tụng dân sự chưa quy định nhưng đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc sau khi Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành mới được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau đó hoặc trong các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ví dụ 1: Trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ thành theo quy định tại Điều 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình và đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc hòa giải đoàn tụ thành giữa các đương sự. Trong thời gian đoàn tụ, các đương sự lại phát sinh mâu thuẫn và có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết, thì Tòa án căn cứ vào Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Ví dụ 2: Trường hợp Tòa án đã bác đơn xin ly hôn của người chồng xin ly hôn vợ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới mười hai tháng tuổi, thì Tòa án chỉ thụ lý lại vụ án xin ly hôn của người chồng khi đã đáp ứng đủ điều kiện khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với những vụ án dân sự mà trước ngày 01-01-2017, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do "thời hiệu khởi kiện đã hết" nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án đó vẫn còn. Trường hợp này người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm d khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những vụ án dân sự yêu cầu chia tài sản chung là di sản thừa kế đã hết thời hiệu mà trước ngày 01-01-2017 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện nay người khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì Tòa án xem xét, thụ lý theo thủ tục chung.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày ….và có hiệu lực thi hành kể từ ngày…

2. Đối với những vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động mà Toà án đã thụ lý nhưng chưa xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm hoặc xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm thì áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để giải quyết.

Đối với bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì không áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, trừ trường hợp có căn cứ kháng nghị khác./.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình

Nơi nhận:
- Uỷ ban thường vụ Quốc hội;
- Uỷ ban Pháp luật của Quốc hội;
- Uỷ ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTƯ;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

KẾ HOẠCH XÉT HỎI TẠI PHIÊN TÒA

I/ Hỏi bị cáo Võ Văn Long.

- Nội dung Cáo trạng vị KSV vừa công bố có giống với cáo trạng đã nhận không
- Hành vi phạm tội của bị cáo có giống với cáo trạng nêu không
- Khoảng 1h15 ngày 03/10/2010 bị cáo ở đâu và làm gì,
- Diễn biến như thế nào.
- Trước khi dùng cây đánh anh Sơn bị cáo có chặn xe anh Sơn lại không và có nói gì không.
- Sau khi anh Sơn và chị Hạnh té ngã thì bị cáo có dùng cây dí anh Sơn và chị Hạnh không, khỏang cách bao xa.
- Sau khi dí anh Sơn bị cáo làm gì.
- Có ngồi lên xe chưa, có nổ máy xe không, đề máy hay đạp máy xe, xe có di chuyên chưa, bao xa, mục đích làm gì.
- Có phải cây đang để trên bàn Thư ký không
- Cây lấy ở đâu
- Mục đích lấy cây làm gì làm gì,
- Mục đích cướp tài sản làm gì
- Bị cáo suy nghĩ gì về hành vi của bị cáo.

II/ Hỏi anh Sơn (bị hại)

- Khoảng 1h15 ngày 03/10/2010 anh đi dâu làm gì , cùng ai, bằng phương tiện gì, sự việc xảy ra.
- Diễn biến như bị cáo khai đúng không.
- Thái độ và phản ứng của anh lúc đó như thế nào
- Anh có bổ sung gì thêm không.
- Anh bị đánh trúng ở đâu trên cơ thể. Có đi điều trị thương tích không.
- Xe Wave Biển số 62F5 0291 là của ai,
- Nhận lại xe chưa
- Tại phiên tòa có yêu cầu bồi thường gì không.

III/ Hỏi chị Hạnh(bị hại)

- Chị xác nhận lời trình bày của anh Sơn
- Chị có bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì không.

IV/ Hỏi Người làm chứng

1/ Hỏi Anh Nguyễn Văn Chánh

- Anh có chứng kiến việc bị cáo Long thực hiện hành vi cướp xe của anh Sơn không,

- Anh biết sự việc như thế nào.
- 2/ Hỏi anh Phạm Văn Tính
- Anh có chứng kiến việc bị cáo Long thực hiện hành vi cướp xe của anh Sơn không,
- Anh biết sự việc như thế nào.